



DANH MỤC PHÉP HIỆU CHUẨN ĐƯỢC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG LẦN 1
LIST OF ACCREDITED CALIBRATIONS, FIRST EXPANTION

(Kèm theo Quyết định số/ attachment with decision: /QĐ-VPCNCL

ngày tháng 04 năm 2025 của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng/
of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: **Trung tâm Kiểm định Hiệu chuẩn**

Laboratory: **Calibration Center**

Tổ chức/Cơ quan chủ
quản: **Công ty TNHH Tân Hưng**

Organization: **Tan Hung Company Limited**

Lĩnh vực thử nghiệm: **Đo lường - Hiệu chuẩn**

Field of testing: **Measurement - Calibration**

Người quản lý: **Vũ Trọng Lâm**

Laboratory manager:

Số hiệu/ Code: **VILAS 1306**

Hiệu lực công nhận/
Period of Validation: **Từ ngày /04/2025 đến ngày 08/05/2026.**

Địa chỉ/Address: **Tầng 15, Tòa Nhà Diamond Flower, Số 48 Lê Văn Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Tp. Hà Nội**

Địa điểm/ Location: **Tầng 15, Tòa Nhà Diamond Flower, Số 48 Lê Văn Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Tp. Hà Nội**

Điện thoại/ Tel: **02438263203**

E-mail: **sale@tanhunggroup.com**

Website: **tanhunggroup.com**

DANH MỤC PHÉP HIỆU CHUẨN ĐƯỢC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG LẦN 1**LIST OF ACCREDITED CALIBRATIONS, FIRST EXPANTION****VILAS 1306**Lĩnh vực hiệu chuẩn: **Độ dài**Field of calibration: **Length**

TT	Tên đại lượng đo hoặc phương tiện đo được hiệu chuẩn <i>Measurand quantities/ calibrated equipment</i>	Phạm vi đo <i>Range of measurement</i>	Quy trình hiệu chuẩn <i>Calibration procedure</i>	Khả năng đo và hiệu chuẩn (CMC) ^{1/} <i>Calibration and Measurement Capability (CMC)¹</i>
1.	Thiết bị thu tín hiệu vệ tinh GNSS GNSS Receiver	Độ chính xác phương ngang <i>Accuracy of Horizontal</i> $\geq (8 + 1 \times 10^{-6} \times D) \text{ mm}^{(2)}$ [D]: mm	TH-GNSS-004 (2025) (Tham khảo/ Reference to ISO 17123-8:2015)	8,7 mm
2.		Độ chính xác phương đứng <i>Accuracy of Verticle</i> $\geq (15 + 1 \times 10^{-6} \times D) \text{ mm}$ [D]: mm		7,7 mm

Chú thích/ Note:

- TH-XX-xxx (2023)...: Quy trình hiệu chuẩn do PTN xây dựng/ *Laboratory developed methods*

- (1): Khả năng đo và hiệu chuẩn (CMC) được thể hiện bởi độ không đảm bảo đo mở rộng, diễn đạt ở mức tin cậy 95%, thường dùng hệ số phủ k=2 và công bố tối đa tới 2 chữ số có nghĩa. *Calibration and Measurement Capability (CMC) expressed as an expanded uncertainty, expressed at approximately 95% level of confidence, usually using a coverage factor k=2 and expressed with maximum 2 significance digits.*

- (2): Thực hiện hiệu chuẩn trên khoảng cách $D \leq 30 \text{ km}$, với D là khoảng cách giữa hai trạm thu – phát tín hiệu / *Calibration with distance $D \leq 30 \text{ km}$ where D is the distance between the two signal transmitting and receiving stations.*

- Trường hợp Công ty TNHH Tân Hưng cung cấp dịch vụ hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường thì Công ty TNHH Tân Hưng phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này. / *It is mandatory for the Tan Hung Company Limited that provides the calibration, testing of measuring instruments, measurement standard services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the services./.*